



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU

Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn theo các yêu cầu của:
Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu về Phân Loại và Ghi Nhãn Hóa Chất (GHS)

Ngày sửa đổi 16-Thg10-2017

Ngày Thay Thế: 08-Thg9-2014

Số Hiệu Bản Sửa Đổi 12

1. NHẬN DIỆN

Nhận dạng sản phẩm

Tên Sản Phẩm Methyl Bromide 98%

Các phương tiện xác định danh tính khác

(Các) Mã Sản Phẩm 8326-98

Số UN/Mã Định Danh (ID) UN1062

Từ đồng nghĩa Bromomethane, MBr
, Metafume 98

Mục đích sử dụng được đề nghị của hóa chất và các giới hạn sử dụng

Công dụng đề nghị Thuốc trừ sâu phổ rộng được sử dụng rộng rãi làm chất hun trùng cực kỳ hiệu quả.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Bromine Compounds Ltd.
P.O.B 180, Beer Sheva 8410101, Israel
Tel +972-8-6297835
e-mail: msdsinfo@icl-group.com

Lianyungang Dead Sea Bromine Compounds Co., Ltd.
Bangqiao Industrial Park, Lianyun district,
Lianyungang, Jiangsu, China 222066
Tel. 86-518-82323651 Fax: 86-518-82253595

Số điện thoại khẩn cấp

Số Điện Thoại Khẩn Cấp Chemtrec (International): +1 (703) 527-3887

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Độc tính cấp tính - Qua miệng	Cấp 3
Độc tính cấp tính - Qua Hô Hấp (Bụi/Sương)	Cấp 2
Ăn mòn/kích ứng da	Cấp 2
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Cấp 2
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Cấp 2
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc một lần)	Cấp 3
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại)	Cấp 2
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 1
Ozone	Cấp 1
Khí nén	Khí nén

Các thành phần của Nhãn GHS, kể cả các tiêu ngữ đề phòng

Chứa METHYL BROMIDE, TRICHLORONITRO METHANE



Từ ký hiệu
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

Độc khi nuốt phải
Chết người khi hít phải
Gây kích ứng da
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
Nghỉ ngơi gây các khuyết tật di truyền
Có thể gây kích ứng đường hô hấp
Có thể gây tổn thương các cơ quan nội tạng khi tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần qua đường hô hấp.
Rất độc cho các thủy sinh vật
Gây hại cho sức khỏe cộng đồng và môi trường bằng cách phá hủy tầng ozon trên thượng tầng khí quyển
Chứa khí nén; có thể nổ nếu bị gia nhiệt

Biện Pháp Phòng Ngừa

P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn
P280 - Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân/phương tiện bảo vệ mặt
P260 - Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở
P310 - Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
P301 + P310 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
P330 - Súc miệng
P305 + P351 + P338 - NẾU TIẾP XÚC VỚI MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và để thực hiện. Tiếp tục rửa
P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước
P502 - Hỏi nhà sản xuất/cung ứng để được biết thông tin về việc thu hồi/tái chế

Các hiểm họa khác không dẫn đến phải phân loại

Không có thông tin

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất

Không Áp Dụng

Hỗn hợp

Tên hóa chất	Số CAS	% trọng lượng
METHYL BROMIDE	74-83-9	98
TRICHLORONITRO METHANE	76-06-2	2

Sản phẩm này có chứa 2% chloropicrin (trichloronitromethane), được sử dụng làm chất cảnh báo nhiễm khuẩn với hàm lượng không làm ảnh hưởng đến các đặc tính sản phẩm, ngoại trừ mùi sản phẩm.

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Hướng dẫn chung BẮT BUỘC PHẢI CÓ GIAI ĐOẠN GIÁM SÁT Y TẾ TRONG VÒNG 24 GIỜ TRONG TẮT

CẢ CÁC TRƯỜNG HỢP TIẾP XÚC VỚI METHYL BROMIDE, NGAY CẢ KHI KHÔNG THỂ HIỆN BẤT KỲ DẤU HIỆU NGỘ ĐỘC NÀO.

Tiếp xúc với mắt

Lập tức rửa bằng nhiều nước, trong lúc rửa kéo các mí mắt ra, trong thời gian ít nhất 15 phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Giữ banh mắt ra trong khi rửa. Không cọ xát vùng bị ảnh hưởng. Tìm y tế chăm sóc ngay.

Tiếp xúc với da

Trong trường hợp tiếp xúc với khí hóa lỏng, làm tan những phần bị đóng băng bằng nước hơi ấm. Rửa da ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và giặt trước khi sử dụng lại. Tìm y tế chăm sóc ngay.

Hít phải

Tìm y tế chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện. Nếu khó thở, cho thở oxy (chỉ người đã được tập huấn mới được làm). Nếu ngưng thở, làm hô hấp nhân tạo. Tìm y tế chăm sóc ngay. Đưa ra nơi thoáng khí. Không dùng phương pháp miệng-quá-miệng khi nạn nhân ăn phải hoặc hít phải chất; làm hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của một chiếc chụp mũi bỏ túi (pocket mask) có van một chiều hoặc thiết bị hô hấp phù hợp khác dùng trong y khoa.

Ăn phải

Súc sạch miệng với nước
KHÔNG gây nôn
Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì
Nếu nuốt phải, hãy súc miệng thật kỹ bằng nhiều nước và uống nước. Tiến hành chăm sóc y tế ngay lập tức.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**Triệu chứng**

Cảm giác bỏng rát. Có thể gây đỏ và chảy nước mắt. Ho và/hoặc thở khó khê. Khó thở. Nghi ngờ gây các khuyết tật di truyền. Mắt tiếp xúc với chất lỏng hoặc khí với nồng độ cao có thể bị tổn thương nghiêm trọng liên quan đến mù tạm thời nhưng thường có thể hồi phục được. Chất lỏng bắn vào quần áo hoặc da hoặc nồng độ khí cao tiếp xúc với da có thể gây bỏng da cùng với các vết phỏng rộp lớn xuất hiện sau vài giờ. Các trường hợp tiếp xúc ít nghiêm trọng hơn có thể gây ngứa phát ban thậm chí sau vài ngày. Có thể hấp thụ qua da với lượng đủ để gây độc toàn thân. Chết người khi hít phải. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây tổn thương các cơ quan nội tạng khi tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần qua đường hô hấp. Ngộ độc cấp tính do methyl bromide được đặc trưng bởi tình trạng kích ứng rõ rệt đối với đường hô hấp, trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến phù phổi. Nồng độ khí cao có thể gây hại cho gan, thận và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng ngộ độc bao gồm đau đầu, chóng mặt, buồn ngủ, hoa mắt, nhìn mờ, nói lắp, buồn nôn và nôn mửa và có thể co giật và hôn mê. TRIỆU CHỨNG ĐỘC TÓ CÓ THỂ KHỞI PHÁT TRONG VÒNG 30 PHÚT HOẶC VÀI NGÀY. Độc khi nuốt phải. Gây kích thích nghiêm trọng đối với màng nhầy và gây độc nếu nuốt phải, mặc dù khả năng nuốt phải hiếm khi xảy ra.

Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần**Bác sĩ cần lưu ý**

Chất gây phỏng rộp nghiêm trọng. Các dấu hiệu và triệu chứng nhiễm độc chủ yếu liên quan đến hệ thần kinh trung ương, đường hô hấp và hệ tim mạch. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ. Không có thuốc giải độc đặc hiệu.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**Chất Chữa Cháy Phù Hợp****Chất Chữa Cháy Phù Hợp**

Carbon đioxit, hóa chất khô, bột, vòi phun nước (sương mù). Trong trường hợp phân hủy tỏa nhiệt và xuất hiện khói, cần sử dụng nước để ngăn chặn phản ứng.

Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất**Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất**

Chỉ chuyên viên mới được thao tác với bình chứa hư hỏng. Dụng cụ đựng có thể nổ khi bị gia nhiệt. Mặc dù trên thực tế được coi là chất không dễ cháy, nhưng metyl bromua có thể bắt lửa từ nguồn phát lửa năng lượng cao. Thùng chứa có thể bị nứt vỡ nghiêm trọng nếu tiếp xúc đủ với lửa hoặc nhiệt độ quá cao. Trong các không gian hạn chế như tòa nhà hoặc cống rãnh thường có nguy cơ tích tụ hơi và do đó có thể gây nổ khi có nguồn phát lửa. Sẽ phân hủy từ nhiệt độ khoảng 400°C, giải phóng khói độc và có tính ăn mòn từ carbon monoxit và hydro bromua.

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy Đề nghị mang thiết bị thở khép kín ở chế độ áp suất dương và quần áo bảo hộ thích hợp. Dừng dòng nguyên liệu ngay lập tức nếu có thể. Không được dập tắt khí đang cháy trừ khi có thể ngắt dòng ngay lập tức. Sử dụng vòi phun nước, vòi phun sương mù hoặc CO₂ để làm mát bình đựng. Nếu không có rủi ro, hãy di chuyển bình đựng tránh xa lửa.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ**Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Các biện pháp đề phòng cá nhân Đề nghị mang thiết bị thở khép kín ở chế độ áp suất dương. Sơ tán người đến khu vực an toàn. Giữ mọi người tránh xa và ở phía đầu gió của nơi tràn đổ/rò rỉ. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không hít hơi hoặc sương. Vật liệu bên trong ở trạng thái nén. Dụng cụ đựng đã cạn có hiểm họa cháy nổ. Không cắt, chọc thủng các dụng cụ đựng hàn. Bảo đảm thông khí đầy đủ.

Các cảnh báo về môi trường

Các cảnh báo về môi trường Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp làm sạch

Dừng ngay dòng hơi nếu có thể. Thông gió và/hoặc cho bay hơi, giữ mọi người tránh xa khu vực ảnh hưởng cho đến khi máy dò halogen hiển thị mức độ vào lại an toàn.

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN**Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng**

Hướng dẫn thao tác an toàn Vật liệu bên trong ở trạng thái nén. Dụng cụ đựng đã cạn có hiểm họa cháy nổ. Không cắt, chọc thủng các dụng cụ đựng hàn. Đậy kín các thùng chứa. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không hít hơi hoặc sương. Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn. Trong trường hợp thiếu thông khí, sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Sử dụng công cụ giám sát thích hợp đối với metyl bromua ở bất kỳ khu vực nào đang cất trữ hoặc xử lý chất này. Di chuyển và vận chuyển các thùng chứa một cách cẩn trọng. Không sử dụng móc, dây treo, v.v. để đỡ hàng. Dùng tay hoặc xe nâng để cố định bình đựng. Không va mạnh hoặc kéo bình đựng.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô và thông khí tốt. Đặt thùng chứa thẳng đứng một cách chắc chắn ở ngoài trời theo điều kiện môi trường xung quanh hoặc trong nhà ở nơi thông gió tốt, tránh xa hạt giống, thực phẩm/thức ăn chăn nuôi và nơi ở của con người và động vật. Treo biển cảnh báo vị trí chứa thuốc bảo vệ thực vật. Kiểm tra rò rỉ định kỳ bằng máy dò rò rỉ halogen.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN**Thông số quản lý****Hướng dẫn về tiếp xúc**

Tên hóa chất	TLV của ACGIH	OSHA PEL	Liên Hiệp Châu Âu	Trung Quốc
METHYL BROMIDE 74-83-9	TWA: 1 ppm S*	(vacated) TWA: 5 ppm (vacated) TWA: 20 mg/m ³ (vacated) S* Ceiling: 20 ppm Ceiling: 80 mg/m ³	-	TWA: 2 mg/m ³ Skin*

		S*		
TRICHLORONITRO METHANE 76-06-2	TWA: 0.1 ppm	TWA: 0.1 ppm TWA: 0.7 mg/m ³ (vacated) TWA: 0.1 ppm (vacated) TWA: 0.7 mg/m ³	-	Ceiling: 1 mg/m ³ Ceiling

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Các phương tiện kiểm soát bằng kỹ thuật Thông gió phải đủ để duy trì nồng độ khí quyển dưới giới hạn tiếp xúc khuyến nghị. Khuyến khích áp dụng hình thức thông gió cơ học. Sử dụng bộ phận xả cục bộ tại nguồn hơi.
Phòng tắm
Điểm rửa mắt
các hệ thống thông gió

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Phương tiện bảo vệ mắt/mặt Kính an toàn chống tia nước bắn. KHÔNG ĐƯỢC ĐEO KÍNH ÁP TRÒNG KHI LÀM VIỆC VỚI HÓA CHẤT NÀY. KHÔNG ĐEO KÍNH BẢO HỘ.

Phương tiện bảo vệ tay KHÔNG ĐEO GĂNG TAY khi xử lý MBr vì nguy cơ chất lỏng hoặc hơi nồng độ cao có thể bị kẹt bên trong găng tay.

Phương tiện bảo vệ đường hô hấp Để thoát hiểm -
Mặt nạ phòng độc với bình đựng hơi hữu cơ mới.
Đối với nồng độ bất kỳ có thể phát hiện -
Thiết bị thở khép kín hoặc mặt nạ phòng độc cấp khí có miếng che toàn bộ mặt. .

Bảo vệ da và cơ thể Không có quần áo bảo hộ được thiết kế đặc biệt. Không đeo găng tay, ủng không thấm nước, nhấn hoặc dán băng dính trên tay khi xử lý chất liệu này.

Xem xét về vệ sinh tổng thể Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không hít hơi hoặc sương. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC**Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất**

Trạng thái vật lý Khí

Ngoại quan Khí không màu, có mùi hắc, dễ lan. Chất lỏng trong, không màu chuyển màu vàng rơm dưới áp suất hoặc dưới 3,5°C.

Màu không màu - Màu rơm

Mùi Mùi hắc, dễ lan.

Tính chất	Giá trị	Nhận Xét • Phương pháp
pH	Không có dữ liệu	Chưa được biết
Điểm chảy / điểm đông	-94°C / -137.2 °F	
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi	3.5 - 4.0 °C	
Điểm chớp cháy	-	Không có
Tốc độ bay hơi	>1	
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu	Chưa được biết
Giới Hạn Cháy trong Không Khí		Chưa được biết
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ trên	16	
Giới hạn nồng độ cháy hoặc nổ dưới	10	
Áp suất hơi	1420 mmHg (20°C)	

Tỷ trọng hơi	3.3 (20°C)	
Tỷ trọng tương đối	Không có dữ liệu	
Độ tan trong nước	0,132 gr/100ml ở 25°C (áp suất riêng phần CH ₃ Br - 73 torr)	
	0,138 gr/100ml ở 25°C (áp suất riêng phần CH ₃ Br - 108 torr)	
Độ tan trong các dung môi khác	Hòa tan hoàn toàn trong hầu hết các dung môi hữu cơ	
Hệ số phân tách	Không có dữ liệu	
Nhiệt độ tự bốc cháy	537 °C / 998.6 °F	
Nhiệt độ phân hủy	~ 400°C	
Độ nhớt động học	Không có dữ liệu	Chưa được biết
Độ nhớt động lực học	Không Áp Dụng	
<u>Thông tin khác</u>		
Điểm cháy	Không có thông tin	
Tính chất oxy hóa	Không có thông tin.	
Tính chất nổ	Không có thông tin.	
Trọng lượng phân tử	Không có thông tin	
Tỷ Trọng Chất Lỏng	Không có thông tin	
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin	

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có nguy hiểm do phản ứng được biết đến/dự kiến.
Độ bền	Bền trong các điều kiện thông thường.
Độ nhạy với va chạm cơ học	Có
Khả Năng Phản Ứng Nguy Hiểm	Phân hủy ở nhiệt độ trên 400°C. .
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiễm bẩn do nước. Tránh xa các nguồn phát lửa. .
Các vật liệu không tương thích	Chất oxy hóa mạnh, kim loại nhôm, thiếc, kẽm và magiê và hợp kim của các kim loại này, cao su tự nhiên và một số loại nhựa nhất định.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	CO, HBr.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Thông Tin Về Sản Phẩm	Dữ liệu độc tính vui lòng tham khảo thành phần chính
Hít phải	Chết người khi hít phải. Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da.
Ăn phải	Độc khi nuốt phải. Ăn phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn ói và tiêu chảy.
Triệu chứng	Đỏ. Có thể gây đỏ và chảy nước mắt. Ho và/hoặc thở khó khê. Khó thở. .

Các số đo độc tính**Độc tính cấp tính****Thông tin về thành phần**

Tên hóa chất	LD50 (liều bán tử) qua miệng	LD50 (liều bán tử) qua da	LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp
METHYL BROMIDE	104 - 133 mg/kg (Rat)	-	= 302 ppm (Rat) 8 h
TRICHLORONITRO METHANE	= 250 mg/kg (Rat)	= 100 mg/kg (Rabbit)	= 14400 ppb (Rat) 4 h = 18.9 ppm (Rat) 4 h = 6.6 ppm (Rat) 4 h

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da.
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Nhạy hô hấp hoặc da	Tiếp xúc với người sẽ dẫn đến tấy đỏ, xung huyết, viêm da, ngứa, sưng tấy và phỏng rộp.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Gây đột biến bằng Thử nghiệm Ames. MBr gây ra tổn thương ADN trong tinh hoàn chuột sau khi tiếp xúc qua đường hô hấp ở 250 ppm (6 giờ/ngày trong 5 ngày liên tiếp). Trong môi trường In vivo, MBr gây ra phản ứng trao đổi nhiễm sắc tử chị em trong tế bào tủy xương và vi nhân trong hồng cầu ngoại vi của chuột cái tiếp xúc qua đường hô hấp trong 14 ngày.
Khả năng gây ung thư	Các nghiên cứu được thực hiện với MBr, cho động vật tiếp xúc qua cả đường hô hấp (chuột lang và chuột nhắt) và đường miệng (thức ăn hun trùng, chuột lang), cho thấy KHÔNG CÓ BẰNG CHỨNG NÀO VỀ HOẠT TÍNH CARCINOGENIC.

Bảng sau đây cho biết mỗi cơ quan đã có nêu bất kỳ thành phần nào là chất gây ung thư hay chưa.

Tên hóa chất	IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)	ACGIH (Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ)	NTP (Chương Trình Chất Độc Quốc Gia)
METHYL BROMIDE	Group 3	-	-
TRICHLORONITRO METHANE	-	-	-

Độc tính sinh sản Trong một nghiên cứu sinh sản hai thế hệ qua đường hô hấp ở chuột bạch tạng, NOEL là 90 ppm.

Độc tính tăng trưởng STOT - tiếp xúc một lần Không có thông tin.
Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

STOT - tiếp xúc nhiều lần Tiếp xúc trong thời gian dài với methyl bromua nồng độ thấp có thể gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Các dấu hiệu bao gồm rối loạn tâm thần, thờ ơ, không có khả năng tập trung ánh nhìn, mất khả năng phối hợp và yếu cơ. Tiếp xúc da nhiều lần có thể gây viêm da. Có thể gây tổn thương các cơ quan nội tạng khi tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần qua đường hô hấp.

Tác dụng trên cơ quan mục tiêu thận, Hệ Hô Hấp, Mắt, Da, Hệ thần kinh trung ương, Phổi, Đường dạ dày-ruột (GI), gan.

Các tác động có hại khác Nghiên cứu độc tính thần kinh khi tiếp xúc một lần qua đường hô hấp ở chuột lang: NOEL - 100 ppm nghiên cứu về độc tính qua đường miệng (liều duy nhất) ở chó Beagle: Liều gây chết - 500 mg/kg. Không có dấu hiệu lâm sàng nào quan sát thấy ở liều 1 mg/kg

Nguy cơ sắc phải Dự kiến không xảy ra.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính

Độc tính sinh thái Rất độc cho các thủy sinh vật.

Lưu ý Dữ liệu độc tính vui lòng tham khảo thành phần chính

Thông tin về thành phần

Tên hóa chất	Tảo/thực vật thủy sinh	Cá	Giáp xác	Độc tính đối với vi sinh vật
METHYL BROMIDE	5 mg/L (72h, Selenastrum capricornutum)	3.9 mg/L (96h, Rainbow trout) 56.28 mg/L (96h, Zebrafish)	2.6 mg/L 48h	-
TRICHLORONITRO METHANE	-	LC50: 0.0142 - 0.019mg/L (96h, Oncorhynchus mykiss) LC50: 0.092 - 0.119mg/L (96h, Lepomis macrochirus)	-	-

Độ bền vững và độ phân hủy

- Thủy phân

Trong điều kiện phòng thí nghiệm (MBr)

Thời gian bán hủy ở pH 5 - 256,7 giờ

Thời gian bán hủy ở pH 7 - 253,9 giờ

Thời gian bán hủy ở pH 9 - 357,3 giờ.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Không có tích tụ sinh học.

Tên hóa chất	Hệ số phân tách
METHYL BROMIDE	1.92
TRICHLORONITRO METHANE	-

Khả năng di chuyển

Không có thông tin.

Các tác động có hại khác

Metyl bromua được liệt kê trong Nghị định thư Montreal là chất bị kiểm soát với ODP (Khả năng phá hủy tầng Ozone) là 0,6.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ**Các phương pháp thải bỏ**

Chất thải của phần dư/sản phẩm chưa sử dụng

Phương pháp khuyến nghị là thiêu hủy. Phương pháp khuyến nghị là thiêu hủy. Nếu không có sẵn buồng đốt phù hợp theo quy định, trả lại các thùng chứa ĐÃ ĐÁNH DẤU cho nhà cung cấp. Liên hệ với cơ quan môi trường địa phương và/hoặc tiểu bang để đảm bảo tuân thủ. Cần tuân thủ tất cả các quy định về môi trường của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ vật liệu này.

Bao bì đã bị nhiễm

Các thùng chứa rỗng nên được xử lý theo tất cả các luật và quy định hiện hành.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

**IMDG
Số UN**

UN1062

Tên vận chuyển chuẩn UN Metyl bromua
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại 2
Nhóm đóng gói Không được quy định
Mô tả: UN1062, Metyl bromua, 2, Chất ô nhiễm biển
Chất ô nhiễm biển Có
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có
Số điện thoại Cấp Cứu Y Tế F-C, S-U
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không có thông tin

ADR/RID/ADN

Số UN UN1062
Tên vận chuyển chuẩn UN Metyl bromua
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại 2.3
Nhãn 2.3
Nhóm đóng gói Không được quy định
Mô tả: UN1062, Metyl bromua, 2.3, (C/D), Nguy Hiểm Cho Môi Trường
Các nguy hại về môi trường Không Áp Dụng
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có
Mã phân loại 2T
Mã hạn chế đường hầm (C/D)

IATA

Số UN Không được quy định
Tên vận chuyển chuẩn UN Bị cấm
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại Không được quy định
Nhóm đóng gói Không được quy định
Mô tả: Bị cấm
Các nguy hại về môi trường Không Áp Dụng
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có

DOT

Số UN/Mã Định Danh (ID) UN1062
Tên vận chuyển đường biển Metyl bromua
Mô tả: UN1062, Metyl bromua, 2.3, Chất ô nhiễm biển
Nhóm hiểm họa 2.3
Chất ô nhiễm biển Có.

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Quy định/luật định cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho chất hoặc hỗn hợp

Các Quy Định Quốc Tế

Nghị Định Thư Montreal về các chất Tiêu Hủy tầng Ozone

Tên hóa chất	Khả năng tiêu hủy ozone (ODP)	Chất tiêu hủy tầng ozone (ODS)
METHYL BROMIDE - 74-83-9	0.6 ODP	E/I

Hiệp Ước Stockholm về Chất Ô Nhiễm Hữu Cơ Bền Không Áp Dụng

Hiệp Ước Rotterdam Không Áp Dụng

Các Danh Mục Quốc Tế

Số đăng ký CAS thành phần nguy hiểm GHS xuất hiện trong mục 3 có thể sai khác về các chất xuất hiện trong mục 15 đó các quy định về lưu kho hóa chất từng quốc gia hoặc khu vực, nhưng vẫn đáp ứng các tiêu chuẩn lưu kho
 Các sản phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm không cần phải đưa vào danh sách kiểm kê hóa chất quốc tế

TSCA Kê khai hoặc miễn khai

DSL	Kê khai hoặc miễn khai
ENCS	Kê khai hoặc miễn khai
IECSC (Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành)	Kê khai hoặc miễn khai
KECL (DANH MỤC HÓA CHẤT HIỆN HÀNH VÀ HÓA CHẤT ĐÃ ĐÁNH GIÁ CỦA HÀN QUỐC)	Kê khai hoặc miễn khai
PICCS (Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin)	Kê khai hoặc miễn khai
Danh Mục Hóa Chất Úc (AICS)	Kê khai hoặc miễn khai
NZIoC (Danh Mục Hóa Chất của New Zealand)	Không Có Trong Danh Mục
TCSI	Kê khai hoặc miễn khai
NCI	Không Có Trong Danh Mục
TECI	Không Có Trong Danh Mục
NSQ	Kê khai hoặc miễn khai

Chú giải:

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)
DSL/NDL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada
ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản
IECSC - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc
KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc
PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin
AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc
NZIoC - Danh Mục Hóa Chất của New Zealand
b TCSI b0 - Kho hóa chất Đài Loan
b NCI b0 - Kho hóa chất quốc gia Việt Nam
b TECI b0 - Hóa chất hiện có FDA kho Thái Lan
b NSQ b0 - Kho Hóa chất quốc gia Mexico

16. THÔNG TIN KHÁC

Ngày sửa đổi 16-Thg10-2017

Chú Thích về Sửa Đổi Ký hiệu (***) ở lề của phiếu an toàn hóa chất này cho biết rằng dòng này đã được sửa đổi.

Giải thích hoặc chú thích các từ viết tắt sử dụng trong bản thông tin an toàn

Chú giải Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

TWA	TWA (mức trung bình theo thời gian)	STEL	STEL (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)
Trần	Giá trị giới hạn tối đa	*	Xếp loại da
C	Chất Gây Ung Thư		

Nơi Soạn Thảo HERA
Điện thoại: +/972-8-6297835
www.icl-group.com
e-mail: msdsinfo@icl-group.com

Mặc dù thông tin và khuyến nghị nêu trong tài liệu này (sau đây gọi là "thông tin") được trình bày trên tinh thần thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày công bố thông tin, chúng tôi không đảm bảo về tính đầy đủ hoặc chính xác của các thông tin/khuyến nghị này. Thông tin được cung cấp cho quý vị với điều kiện là những người tiếp nhận thông tin sẽ tự quyết định về mức độ an toàn và phù hợp của thông tin theo mục đích của họ trước khi sử dụng. Trong mọi trường hợp, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại dưới hình thức bất kỳ phát sinh do việc sử dụng hoặc dựa vào thông tin. Ngoài ra, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại hoặc thương tích nào do sử dụng không đúng mục đích, không tuân thủ các thông lệ được khuyến nghị hoặc từ bất kỳ mối nguy nào vốn có do đặc điểm của sản phẩm.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn